

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: **2323**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày **19** tháng **8** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp
Thạnh Tân, quy mô: 50 ha**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu khu vực công nghiệp Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 4269/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Đại Ngân Sơn đầu tư dự án Cụm công nghiệp Thạnh Tân;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thạnh Tân, quy mô: 50 ha tại Biên bản phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định (Hội đồng họp vào ngày 11 tháng 01 năm 2022);

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thạnh Tân, quy mô: 50 ha đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 68/CV-ĐTM.ĐNS ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Đại Ngân Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3436/TTr-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thạnh Tân, quy mô: 50 ha (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Đại Ngân Sơn thực hiện tại xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Đại Ngân Sơn có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án..

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân và Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Đại Ngân Sơn căn cứ Quyết định thi hành. / *Phel*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH *moai*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC

**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án
Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thạnh Tân**
(Kèm theo Quyết định số 2323 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 1 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thạnh Tân.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Đại Ngân Sơn.

- Địa điểm xây dựng: xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Quy mô/công suất: Diện tích 50 ha, các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Thạnh Tân gồm:

+ Nhóm ngành chế biến bảo quản lương thực, thực phẩm; sản xuất đồ uống.

+ Nhóm ngành cơ khí: Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng cơ khí.

+ Nhóm ngành hóa chất: Các dự án thứ cấp đầu tư sản xuất hóa chất phải theo Phụ lục I của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Nhóm ngành điện, điện tử: sản xuất thiết bị điện; sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học.

+ Nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất linh kiện phụ tùng kim loại, linh kiện phụ tùng nhựa - cao su, linh kiện phụ tùng điện - điện tử; sản xuất nguyên vật liệu và phụ liệu phục vụ ngành dệt may - da giày; sản xuất vật liệu, thiết bị hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ cao.

+ Nhóm ngành sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic (không bao gồm nhựa tái chế).

+ Nhóm ngành sản xuất các sản phẩm phân bón phục vụ nông nghiệp: hữu cơ, vi sinh.

+ Các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo quy định.

- Quy trình/công nghệ: Đền bù, giải phóng mặt bằng → Rà phá bom mìn → Phát quang, thu dọn lớp phủ thực vật → Nạo vét bùn hữu cơ → Xác định các ô san lấp và đắp tuyến đê bao xung quanh → San lấp → Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật → Vận hành (Cho thuê các lô đất kinh doanh và cung cấp dịch vụ từ các hạng mục hạ tầng, hoạt động của nhà máy, xí nghiệp, hoạt động của Trung tâm điều hành cụm công nghiệp).

- Các hạng mục công trình chính: Nạo vét, đắp tuyến đê bao xung quanh khu vực dự án và san nền toàn bộ diện tích thuộc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật giao thông (bao gồm giao thông đối nội và đối ngoại), khu hành chính, dịch vụ phục vụ công tác điều hành, quản lý hoạt động của cụm công nghiệp, trạm cấp nước công suất $1.670 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống cấp nước cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất và phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly.

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và xử lý nước thải công suất $1.100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và xây dựng 01 hồ sục có thể tích $2.232,2 \text{ m}^3$.

+ Khu tập kết chất thải rắn có diện tích 50 m^2 gồm: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 30 m^2 ; kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m^2 .

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

a) Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng.

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công.

+ Nước chảy tràn từ quá trình san lấp mặt bằng.

+ Chất thải phát sinh trong quá trình phát quang.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng, đất đào bóc từ quá trình thi công.

+ Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, hoạt động của máy móc, thiết bị, hoạt động xây dựng.

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với hoạt động kinh doanh hạ tầng của cụm công nghiệp.

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, nhân viên.

Bùn thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình kinh doanh hạ tầng.

Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu vực tập kết các loại chất thải rắn.

+ Đối với hoạt động của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên.

Nước thải sản xuất từ hoạt động sản xuất của nhà máy.

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy.

Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, khu vực tập kết các loại chất thải rắn của các nhà máy.

Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy.

b) Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân: Tổng lưu lượng khoảng 1,2m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.

+ Nước chảy tràn từ quá trình san lấp: Thông số ô nhiễm của nước chảy tràn từ quá trình san lấp gồm: độ đục và chất rắn lơ lửng.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân: Tổng lưu lượng khoảng 12 m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.

+ Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động thi công xây lắp các hạng mục hạ tầng kỹ thuật,...; quá trình vệ sinh máy móc; quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị và nước thải làm mát máy. Lưu lượng phát sinh khoảng 31m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải xây dựng chủ yếu là chất rắn lơ lửng, tạp chất bản như đất, cát, COD, dầu mỡ,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên từ hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp với tổng lưu lượng khoảng 4,8m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên từ các nhà máy thứ cấp với tổng lưu lượng khoảng 356,64 m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.

+ Nước thải sản xuất của các nhà máy thứ cấp với tổng lưu lượng khoảng

638,56 m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm của nước thải sản xuất gồm: Mùi, chất rắn lơ lửng (SS), các vi sinh vật, pH, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, dầu mỡ, kim loại, các ion kim loại, ...

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng: Bụi, khí thải từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng, từ quá trình đắp đê bao và đắp đất san nền, từ máy móc thi công và phương tiện vận chuyển có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC, THC.... Trong đó:

+ Bụi từ quá trình đắp đê bao và đắp đất san nền có nồng độ khoảng 0,45 mg/m³.

+ Bụi, khí thải sinh ra từ các phương tiện vận chuyển bùn đất hữu cơ nạo vét, đất cát đào đắp và san nền có nồng độ khoảng: Bụi: 0,044 mg/m³; CO: 0,01 mg/m³; SO₂: 0,656 mg/m³; NO_x: 0,105 mg/m³; THC: 0,081 mg/m³.

+ Bụi, khí thải từ máy móc, thiết bị thi công có nồng độ khoảng: Bụi: 0,025 mg/m³; CO: 0,039 mg/m³; SO₂: 0,05 mg/m³; NO_x: 0,012 mg/m³; THC: 0,058 mg/m³.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi từ các công đoạn xây dựng các hạng mục công trình: Nồng độ bụi khoảng 1,2 - 3,0 mg/m³.

+ Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, vận chuyển nhiên liệu, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị với nồng độ ô nhiễm khoảng: Bụi: 0,004 mg/m³; SO₂: 0,0036 mg/m³; NO_x: 0,058 mg/m³; CO: 0,009 mg/m³; THC: 0,007 mg/m³.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện, máy móc, trang thiết bị thi công với nồng độ ô nhiễm khoảng: TSP: 0,0026 mg/m³; SO₂: 0,0037 mg/m³; NO_x: 0,0045 mg/m³; CO: 0,0098 mg/m³.

+ Khí thải từ công tác hàn thi công với nồng độ ô nhiễm khoảng: CO: 0,004 mg/m³; NO_x: 0,0047 mg/m³.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động vận hành, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hạng mục thu gom, thoát nước thải phát tán mùi hôi với thông số ô nhiễm chủ yếu gồm: H₂S, NH₃, CH₄.

+ Bụi, khí thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng khoảng từ 03 kg đến 05 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì thải, vỏ chai, kim loại,...

+ Sinh khối từ quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng: Tổng khối lượng khoảng 170,5 tấn; thành phần chủ yếu là tràm, khóm, dừa nước,...

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng khoảng từ 30 kg đến 50 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì nilon, hộp nhựa, hộp xốp, thực phẩm thừa, chai lọ,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Tổng khối lượng phát sinh khoảng: 966,77 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: Xi măng, gạch vụn, cát, đá, gỗ vụn, giấy thải, ván khuôn, vụn nguyên liệu rơi vãi,...

+ Đất đào bóc bề mặt từ quá trình thi công phát sinh với khối lượng khoảng: 151.430,51m³.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên từ hoạt động kinh doanh hạ tầng của CCN, khối lượng khoảng 12 kg đến 20 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì nilon, hộp nhựa, hộp xốp, thực phẩm thừa, chai lọ,...

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên từ các nhà máy thứ cấp, khối lượng khoảng 891,6 kg đến 1.486 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì nilon, hộp nhựa, hộp xốp, thực phẩm thừa, chai lọ,...

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động kinh doanh hạ tầng: Khối lượng khoảng từ 18 kg đến 36 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì thải,...; khối lượng khoảng từ 02 kg đến 04 kg/ngày đối với dây cáp điện hỏng, sứ cách điện cũ, rơ le hỏng,...; khối lượng khoảng 1.780,02 kg/5 ngày đối với bùn cặn tích lũy trong hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp: Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp chủ yếu gồm; kim loại vụn, xỉ kim loại, phế phẩm (nguyên liệu quá hạn); bao bì, thùng chứa nguyên vật liệu; sản phẩm lỗi; giẻ lau không chứa thành phần nguy hại; bùn thải không nguy hại,...

e) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 72kg/tháng; thành phần chủ yếu là giẻ lau nhớt và dầu; Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn, thùng dầu; Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại; Bao bì nhiễm thành phần nguy hại; Cặn sơn; Dầu que hàn thừa; Dầu nhiên liệu thải...

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh hạ tầng với khối lượng khoảng 24 kg/tháng; thành phần chủ yếu là giẻ lau nhớt và dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhiên liệu thải, bao bì nhiễm thành phần nguy hại, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, vỏ chai diệt côn trùng...

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp với khối lượng ước tính khoảng 20,6 tấn/tháng; thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, acquy, giẻ lau dính dầu, chai lọ chứa hóa chất, dung môi hữu cơ,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt, bố trí 01 nhà vệ sinh di động loại có 02 hố xí tự hoại loại thể tích 05 m³ đặt cố định tại vị trí khu dự án để thu gom, xử lý. Khi bể tự hoại đầy sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

+ Nước thải thi công, xây dựng: xây dựng một hố lắng tạm thời lắp bạt HDPE, với thể tích lưu chứa hữu dụng 31 m³. Hồ chứa sẽ lắng các tạp chất bản phần lớn là đất, cát, rác và nước sau lắng là nước trong sẽ được sử dụng lại cho thi công hoặc tưới phun giảm bụi. Phần cặn cát, đất, rác sẽ được thu gom và xử lý chung với cặn phát sinh từ hệ thống thu gom và thoát nước. Hố lắng sau khi kết thúc quá trình xây dựng sẽ được san lấp, hoàn trả mặt bằng theo đúng quy hoạch của khu đất dự án.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, thiết bị: lắp đặt một cụm thiết bị Inox (gồm bể chứa 12 m³ và 01 motor) có thanh gạt với thể tích có thể chứa và xử lý được 11 m³/ngày, với hệ thống thanh gạt sẽ loại bỏ được váng dầu mỡ nổi làm sạch nước trước khi dẫn về hố lắng tạm thời thể tích 31 m³. Lượng váng dầu mỡ được thu gom, lưu trữ và chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động kinh doanh hạ tầng sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày.đêm. Thể tích bể tự hoại 3 ngăn khoảng 10 m³/ 02 bể.

+ Nước thải từ các nhà máy thứ cấp: Toàn bộ lượng nước thải (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) phát sinh từ các nhà máy thứ cấp sẽ được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi (Áp dụng Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - đối với các nhà máy thứ cấp có phát sinh nước thải sản xuất và Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B đối với các nhà máy thứ cấp chỉ phát

sinh nước thải sinh hoạt) trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$ trước khi dẫn ra nguồn tiếp nhận là kênh Trục thông qua 01 cửa xả.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ như sau: Nước thải đầu vào (lọc rác thô) → Bể thu gom (tách rác tinh) → Bể tách dầu - lắng cát (có hồ phơi cát) → Bể điều hòa → Cụm bể hóa lý 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Cụm bể hóa lý 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đo lưu lượng nước thải và quan trắc tự động về chất lượng nước thải sau xử lý → Thoát ra kênh Trục.

+ Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni. Dữ liệu kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang theo quy định.

b) Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng: Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, hoạt động của máy móc, thiết bị, hoạt động xây dựng: Được nêu tại mục 3.1.2 của Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện dự phòng của hoạt động kinh doanh hạ tầng và từ hoạt động sản xuất của Nhà máy thứ cấp: Được nêu tại mục 3.2.2.1 của Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng: Toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, xây dựng được thu gom tập trung về khu vực lưu chứa tạm thời có diện tích khoảng 100 m².

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Sinh khối: Tận dụng một phần sinh khối phát sinh; phần còn lại sẽ được

thu gom tập trung cố định tại khu vực lưu chứa tạm thời, sau đó thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đất đào bóc bề mặt từ quá trình thi công được tận dụng để san lấp các khu vực trũng thấp trong khu vực dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với hoạt động kinh doanh hạ tầng:

Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Trang bị các loại thùng chứa chất thải chuyên dụng đặt tại kho chứa chất thải thông thường diện tích 30 m². Phân định, phân loại, lưu giữ vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh của dự án, bảo đảm các yêu cầu vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung: Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

+ Đối với hoạt động của Nhà máy thứ cấp: Chủ các nhà máy thứ cấp sẽ có phương án thu gom cụ thể để thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy; phân định, phân loại, lưu giữ vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh của dự án, bảo đảm các yêu cầu vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng: Trang bị dụng cụ thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định. Thực hiện quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh hạ tầng và hoạt động của các nhà máy thứ cấp: Thực hiện quản lý theo quy định tại Nghị định

số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh hạ tầng được thu gom vào thùng chứa và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m².

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng dự án: Được nêu tại mục 3.1.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Giai đoạn vận hành: Được nêu tại mục 3.2.2.1 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

f) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng: Biện pháp phòng ngừa ứng phó các sự cố: Sự cố tác động do bom mìn tồn lưu trong chiến tranh; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; sự cố ngập úng; sự cố rửa trôi, sạt lở, sụt lún; sự cố rò rỉ nhiên liệu, hóa chất; sự cố do dịch bệnh: Được nêu tại điểm C mục 3.1.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố: sự cố sụt lún, nứt vỡ, hư hỏng các đường ống nước cấp, đường ống thu gom và thoát nước thải, nước mưa; sự cố tắc nghẽn chất thải, bùn, cát trong các đường ống nước cấp, đường ống thu gom và thoát nước thải, nước mưa; sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố rò rỉ nhiên liệu; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai tự nhiên; sự cố do dịch bệnh được trình bày tại mục 3.2.2.2 của Chương 3 trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày đêm có thể tích là 2.232,2m³, được bố trí tại khu xử lý nước thải.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Tên hạng mục, công trình	Số lượng
1	Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 30 m ²	01
2	Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 20 m ²	01
3	Bể tự hoại 03 ngăn	02 bể, tổng thể tích 10 m ³

TT	Tên hạng mục, công trình	Số lượng
4	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m ³ /ngày đêm	01
	Hồ sự cố, thể tích 2.232,2 m ³	01

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát chất thải rắn:

+ Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

+ Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Giám sát nước thải xây dựng:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu sau hố lắng tại vị trí thải nước thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: pH, COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$).

- Giám sát khác:

+ Vị trí giám sát: Hiện tượng sạt lở tại vị trí mép bờ kênh Trục và mép bờ Kênh Ranh Thạnh Mỹ - Thạnh Tân.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí giám sát, thông số giám sát, tần suất giám sát: việc lấy mẫu quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày.đêm sẽ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$.

c) Giai đoạn vận hành thương mại:

+ Giám sát chất thải rắn:

Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu lưu trữ chất thải nguy hại.

Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày đêm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: Theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$.

- Giám sát nước thải tự động, liên tục:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày đêm.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni (online). Số liệu được kết nối, truyền tải trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang để theo dõi, giám sát.

+ Tần suất giám sát: Tự động liên tục theo quy định.

+ Quy định áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$.

- Giám sát chất lượng nước mặt kênh Trục:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm cách 50 m so với vị trí xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung về phía hạ nguồn, 01 điểm cách 50 m so với vị trí xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung về phía thượng nguồn.

+ Thông số giám sát: pH, TSS, DO, COD, BOD₅, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻-P, Tổng dầu mỡ, Coliform.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy định áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A1.

- Giám sát chất lượng nước mặt kênh Ranh Thạnh Mỹ - Thạnh Tân:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí lấy nước cấp cho hoạt động của cụm công nghiệp thuộc kênh Ranh Thạnh Mỹ - Thạnh Tân.

+ Thông số giám sát: pH, TSS, DO, COD, BOD₅, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻-P, Tổng dầu mỡ, Coliform.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy định áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A2.

- Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 03 điểm giám sát bên ngoài cụm công nghiệp ((01 điểm tại vị trí tiếp giáp với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày.đêm, 01 điểm tại vị trí giữa cụm công nghiệp và điểm tại vị trí giáp Đường tỉnh 867)..

+ Thông số giám sát: độ ồn, NO₂, SO₂, CO, bụi, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, Hydrocacbon, H₂S, NH₃, HF, HCl.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác:

+ Vị trí giám sát: hiện tượng sạt lở tại vị trí mép bờ kênh Trục và mép bờ Kênh Ranh Thạnh Mỹ - Thạnh Tân.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

6. Các điều kiện có liên quan

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, thu hồi đất theo quy định pháp luật.

- Lập kế hoạch thi công xây dựng hợp lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất xung quanh khu vực dự án; có phương án đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy, đường bộ.

- Thiết kế và vận hành các công trình đảm bảo không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng nước và hoạt động sản xuất khu vực dự án.

- Thu hút các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch (các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, phân khu chức năng,...) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền quản lý công tác bảo vệ môi trường của các nhà máy thứ cấp hoạt động trong cụm công nghiệp phù hợp quy định.

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà máy thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận./

